

TRỤC THẲNG CÓ RÃNH THEN

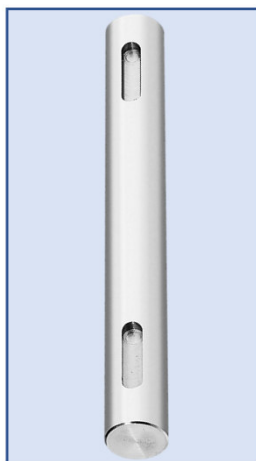
STRAIGHT SHAFT - KEYWAY



Mã đặt hàng/Order

Mã loại Type code	- D	- L	- RX	- X	- RP	- P	- RT	- T	-
									A
									B
									C

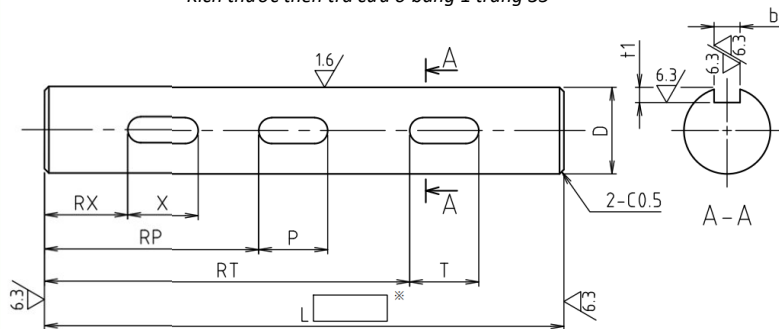
EX: SPSK - D25 - L300 - RX10 - X10 - RP90 - P30 - RT210 - T30 - A



Thông số kích thước có thể tùy chỉnh

Dimensions can be customized

Kích thước then tra cứu ở bảng 1 trang 35



Loại Type	Vật liệu Materials	Độ cứng Hardness	Xử lý bề mặt Surface Treatment
SPSK	T.Đương SUJ2 SUJ2 Equiv.	55-62 HRC	Mạ Crom cứng HCr Hard Chrome Plating
CSPSK	S45C		
SSPSK	SUS304		

Loại <i>Type</i>	Đường kính <i>Diameter</i>				L (Gia số 1mm) <i>(1mm Increment)</i>	RX, X	RP, P	RT,T
	Dung sai <i>Tolerance</i>	g6		h7				
		SUJ2	S45C	SUS304				
SPSK CSPSK SSPSK	10	○	○	○	25-800	0 ≤ RX+X ≤ L b ≤ X ≤ 100	0 ≤ RP+P ≤ L b ≤ P ≤ 100	0 ≤ RT+T ≤ L b ≤ T ≤ 100
	12	○	○	○	25-1000			
	13		○					
	15			○				
	16	○	○		25-1500			
	20	○	○	○				
	25	○	○	○				
	30	○	○					

Các kích thước không đề cập dung sai vui lòng tra dung sai tiêu chuẩn ở bảng 2 trang 1.

The dimensions not mentioned the tolerances please refer to the standard tolerance in table 2 page 1.



GIAO HÀNG NHANH CHÓNG
DELIVERY AS SOON AS POSSIBLE



DUNG SAI TÙY CHỈNH
REQUIRED TOLERANCE

Kích thước tùy chỉnh L Customized length L	Dung sai yêu cầu	Dung sai Tolerance	Áp dụng cho L Apply to L
	A	± 0.03	$L \leq 600$
	B	± 0.05	$L \leq 800$
	C	± 0.1	$L \leq 1000$

✳ Có thể yêu cầu dung sai cho kích thước này. (You may specify the tolerance based on this dimension)